

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú
của người nước ngoài tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp và trách nhiệm thực hiện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất, không chồng chéo, theo nguyên tắc Bộ Công an chủ trì quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; các Bộ, cơ quan ngang Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy có trách nhiệm phối hợp; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm tổ chức thực hiện thống nhất ở địa phương theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Công an.

4. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan liên quan.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Thông qua các cuộc họp liên ngành định kỳ, đột xuất.

3. Thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết.

4. Thông qua việc thanh tra, kiểm tra của các đoàn công tác liên ngành do Bộ Công an chủ trì.

5. Thông qua quy chế phối hợp giữa các Bộ, ngành theo quy định của Chính phủ.

6. Các hình thức khác.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trao đổi với Bộ Công an trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 6. Phối hợp trong tổ chức thực hiện pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**1. Bộ Công an có trách nhiệm:**

a) Trao đổi, thông báo cho Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, các Bộ liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các chủ trương, biện pháp thực hiện công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

b) Cung cấp cho Bộ Ngoại giao mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do Bộ Công an cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại Việt Nam để thông báo với các nước;

c) Quyết định việc chấp thuận hay không chấp thuận giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại nước đó và trao đổi với Bộ Ngoại giao để trả lời các nước về quyết định trên;

d) Phối hợp với cơ quan chức năng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải quyết thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm:

a) Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của Việt Nam cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại Việt Nam;

b) Tiếp nhận mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại nước đó và đề nghị Bộ Công an cho ý kiến để trả lời phía nước ngoài về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho người được cấp giấy tờ trên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

3. Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng theo chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành thuộc địa phương trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động tại địa phương.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này phải phù hợp với quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định này.

6. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan chức năng gửi văn bản thông báo kịp thời các quyết định chưa cho nhập cảnh, giải tỏa chưa cho nhập cảnh, buộc xuất cảnh người nước ngoài quy định tại Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều 22 và Điểm b Khoản 2 Điều 30 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để phối hợp thực hiện.

Điều 7. Phối hợp trong việc cấp giấy tờ cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú

1. Bộ Công an chỉ đạo cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thông báo cho đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng thông tin nhân sự người nước ngoài được giải quyết cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế do Bộ Quốc phòng quản lý trước khi người nước ngoài đến cửa khẩu.

2. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao chuyển danh sách người được cấp thẻ tạm trú thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp.

3. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài; Bộ Quốc phòng chỉ đạo đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng trong quá trình giải quyết cấp thị thực, nếu phát hiện có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, quốc phòng hoặc có dấu hiệu giả mạo giấy tờ thì chưa cấp thị thực và trao đổi thống nhất với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh về việc cấp thị thực.

4. Bộ Công an chỉ đạo cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trong thời hạn 01 ngày làm việc phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài và đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh để từ chối cấp thị thực hoặc thu hồi, hủy bỏ thị thực đã cấp đối với các trường hợp giả mạo giấy tờ để được duyệt cấp thị thực hoặc sau khi duyệt mới phát hiện có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, quốc phòng.

Điều 8. Phối hợp trong công tác kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài

1. Bộ Công an có trách nhiệm trao đổi, cung cấp cho Bộ Quốc phòng:

- a) Thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu;
- b) Danh sách và dữ liệu người nước ngoài thuộc diện chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh;
- c) Mẫu dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh và chứng nhận tạm trú;
- d) Danh sách và dữ liệu hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam bị mất, bị hủy giá trị sử dụng.